

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: **KINH TẾ**; Chuyên ngành: **KẾ TOÁN**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **NGUYỄN THỊ LỆ HẰNG**

2. Ngày tháng năm sinh: **01 – 07 – 1983**; Nam ; Nữ ;

Quốc tịch: **Việt Nam**; Dân tộc: **Kinh**; Tôn giáo: **Không**

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố):

Xã Tây An, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố):

09 Đoàn Nguyễn Tuấn, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện):

Nguyễn Thị Lệ Hằng – Khoa Kinh tế và Kế toán, Trường Đại học Quy Nhơn

170 An Dương Vương, phường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại nhà riêng: **Không có**; Điện thoại di động: **0935 366 899**;

E-mail: **ntlhang@qnu.edu.vn**

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Thời gian	Công việc, chức vụ, cơ quan
Từ 07/2006 đến 08/2007	Nhân viên Kế toán Công ty Cổ phần Đào tạo - Tư vấn Kinh tế Quy Nhơn
Từ 09/2007 đến 06/2018	Giảng viên của Khoa Kế toán, Trường Đại học Quang Trung
Từ 10/07/2018 đến nay	Giảng viên của Khoa Kinh tế và Kế toán, Trường Đại học Quy Nhơn

Chức vụ: Hiện nay: **Giảng viên**; Chức vụ cao nhất đã qua: **Giảng viên**

Cơ quan công tác hiện nay: **Khoa Kinh tế và Kế toán, Trường Đại học Quy Nhơn**

Địa chỉ cơ quan: **170 An Dương Vương, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định**

Điện thoại cơ quan (+84) 0256 3846 156 – (+84) 0256 3546 547

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng **ĐH** ngày 15 tháng 08 năm 2006; số văn bằng: **796074**; ngành: **Kế toán**; chuyên ngành: **Kế toán**; Nơi cấp bằng **ĐH** (trường, nước): **Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng, Việt Nam.**

- Được cấp bằng **ĐH** ngày 23 tháng 03 năm 2012; số văn bằng: **00327428**; ngành: **Ngôn ngữ Anh**; chuyên ngành: **Ngôn ngữ Anh**; Nơi cấp bằng **ĐH** (trường, nước): **Trường Đại học Quy Nhơn, Việt Nam.**

- Được cấp bằng **ThS** ngày 24 tháng 01 năm 2013; số văn bằng: **A042729**; ngành: **Kế toán**; chuyên ngành: **Kế toán**; Nơi cấp bằng **ThS** (trường, nước): **Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.**

- Được cấp bằng **TS** ngày 26 tháng 12 năm 2017; số văn bằng: **007531** ngành: **Kinh tế**, chuyên ngành: **Kế toán**; Nơi cấp bằng **TS** (trường, nước): **Học viện Tài chính, Việt Nam.**

- Được cấp bằng **TSKH** ngày ... tháng ... năm ...; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng **TSKH** (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh **PGS** ngày ... tháng ... năm ... ngành:.....

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Phó Giáo sư** tại **HĐGS** cơ sở:

Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Phó Giáo sư** tại **HĐGS** ngành, liên ngành: **Kinh tế**

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

(1) Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp liên quan đến phân tích khả năng sinh lợi và hiệu quả kinh doanh, hiệu quả hoạt động của các loại hình doanh nghiệp;

(2) Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp liên quan đến việc vận dụng chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán,... vào thực tiễn tại các doanh nghiệp nhằm đáp ứng xu thế trong tiến trình hội nhập và hội tụ với kế toán quốc tế; cũng như áp dụng các chuẩn mực, chế độ kế toán,... trong đào tạo nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán;

(3) Nghiên cứu về những vấn đề khác liên quan đến kiểm soát quản lý, đổi mới sáng tạo,...

trong một số ngành như du lịch, thủy sản, lâm nghiệp, ...

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn **09 HVCH** bảo vệ thành công luận văn ThS;

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: Chủ nhiệm **01 đề tài NCKH cấp Tỉnh** và **02 đề tài NCKH cấp Cơ sở** đã bảo vệ thành công; thành viên tham gia **01 đề tài NCKH cấp Bộ** đã bảo vệ thành công;

- Đã công bố **49** bài báo khoa học, trong đó: có **13** bài báo khoa học công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Số lượng sách đã xuất bản là **02**, trong đó: Chủ biên **01 giáo trình** đã nghiệm thu đưa vào sử dụng phục vụ đào tạo, thành viên tham gia biên soạn **01 giáo trình** đã xuất bản có chỉ số ISBN của Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân và đã đưa vào sử dụng phục vụ đào tạo.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): **Không**

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): **Không**

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Với vai trò là giảng viên tại một trường đại học, bản thân tôi tự nhận thấy mình có phẩm chất đạo đức tốt, luôn thực hiện đúng các quy định và phẩm chất của một nhà giáo, có lối sống giản dị, lành mạnh và hoà đồng với tất cả các đồng nghiệp, cán bộ, viên chức, nhân viên và sinh viên, học viên ở tất cả các hệ đào tạo trong nhà trường.

Kể từ khi được tuyển dụng làm giảng viên của trường đại học, cá nhân tôi tự nhận thấy cần phải có trách nhiệm nghề nghiệp với vai trò là một giảng viên, nên tôi luôn không ngừng cố gắng và nỗ lực tự học tập, nghiên cứu để trau dồi kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ cho công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học, và học tập từ các thầy/cô, các thế hệ anh/chị đồng nghiệp đi trước cũng như mọi người xung quanh trong suốt quá trình công tác. Quá trình phấn đấu học tập của bản thân tôi được diễn ra liên tục và không ngừng, từ chỗ vượt qua các khó khăn của gia đình để cố gắng học tốt và có kết quả học tập tốt ở bậc học đại học cho đến bậc học thạc sĩ và bậc học tiến sĩ. Bên cạnh đó, bản thân cũng tự ý thức và tham gia các khoá bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên đại học, chương trình đào tạo và bồi dưỡng kế toán trưởng, chương trình bồi dưỡng ứng dụng công nghệ thông tin,... để đáp ứng tốt công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Bản thân tự nhận thấy có trình độ tin học thành thạo, có trình độ tiếng Anh đáp ứng tốt yêu cầu nghiên cứu khoa học và phục vụ giảng dạy.

Trong suốt quá trình công tác từ Trường Đại học Quang Trung (từ tháng 09 năm 2007 đến tháng 06 năm 2018) cho đến Trường Đại học Quy Nhơn hiện nay (từ tháng 07 năm 2018 cho

đến nay), với vai trò là một giảng viên tôi luôn chấp hành tốt mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, gương mẫu thực hiện nghiêm túc các quy định, quy chế của ngành, nội quy, quy định của nhà trường; luôn phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các công tác khác do nhà trường, khoa chuyên môn giao phó, có đóng góp nhất định và có chất lượng vào sự phát triển của nhà trường.

Cá nhân cũng luôn giữ gìn phẩm chất, uy tín và danh dự của nhà giáo; tôn trọng nhân cách của người học và luôn có thái độ đối xử công bằng, nghiêm túc với người học, bảo vệ quyền lợi chính đáng của người học; tích cực động viên, hỗ trợ người học hoàn thành tốt việc học và nghiên cứu khoa học, tham gia tích cực trong hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học và học viên cao học nghiên cứu làm đề tài luận văn thạc sĩ.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Tính đến thời điểm hiện tại, tôi đã có hơn 14 năm công tác trong lĩnh vực giáo dục (gồm 11 năm tại Trường Đại học Quang Trung và hơn 03 năm tại Trường Đại học Quy Nhơn), trong đó toàn bộ thời gian công tác của tôi đều liên tục và liên quan trực tiếp đến công tác đào tạo.

Cụ thể, ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ của tôi như sau:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/ giờ quy đổi/ Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2015-2016					90		90/99/0
2	2016-2017					45		45/45,75/0
3	2017-2018				17	135		135/182/140
3 năm học cuối:								
4	2018-2019			03	1	210		210/390,75/270
5	2019-2020			03	2	90	45	135/590/135
6	2020-2021			03	1	255	45	300/339/270

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài :

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ nămđến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Trường Đại học Quy Nhơn; số bằng: 00327428; năm cấp: 2012

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài :

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ :

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác □ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng:

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ đến	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Huỳnh Minh Đức		x	x		10/07/2019 đến 28/07/2020	ĐH Quy Nhơn	28/07/2020 Quyết định số: 1354/QĐ-ĐHQN, ngày 28/07/2020
2	Đặng Minh Hiền		x	x		10/07/2019 đến 28/07/2020	ĐH Quy Nhơn	
3	Võ Đình Sơn		x	x		10/07/2019 đến 28/07/2020	ĐH Quy Nhơn	
4	Đỗ Thị Thanh Liêm		x	x		09/12/2019 đến 13/11/2020	ĐH Quy Nhơn	13/11/2020 Quyết định số: 2686/QĐ-ĐHQN, ngày 13/11/2020
5	Vũ Trương Hà Giang		x	x		09/12/2019 đến 13/11/2020	ĐH Quy Nhơn	
6	Nguyễn Thị Giang Thanh		x	x		09/12/2019 đến 13/11/2020	ĐH Quy Nhơn	
7	Phan Chí Quốc Đại		x	x		07/07/2020 đến 08/06/2021	ĐH Quy Nhơn	08/06/2021 Quyết định số: 1291/QĐ-ĐHQN, ngày 08/06/2021
8	Đặng Thị Mỹ Hiệp		x	x		07/07/2020 đến 08/06/2021	ĐH Quy Nhơn	
9	Đặng Thuỳ Ngân		x	x		07/07/2020 đến 08/06/2021	ĐH Quy Nhơn	

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang...đến trang...)	Xác nhận của CS GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						

II Sau khi được công nhận TS							
1	Giáo trình Kế toán chi phí	GT	2019	2	Chủ biên, biên soạn các chương 1, 3 và đồng biên soạn chương 5	Từ trang 01-14, 40-110, 136-149.	Quyết định số: 1010/QĐ-ĐHQN, ngày 18/06/2020
2	Giáo trình Kế toán công ty ISBN: 978-604-946-869-8	GT	2020, NXB Đại học KTQD, 2020	5	Thành viên, biên soạn chương 4	Từ trang 69-94.	Số: 01/GXN/TV-ĐHQN, ngày 20/05/2021

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS: Không.

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT)	CN/ PCN/ TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp KQ
I Trước khi được công nhận TS					
II Sau khi được công nhận TS					
1	Xây dựng hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán mô phỏng phục vụ đào tạo thực hành sổ sách kế toán (ĐT)	CN	V2017.01 Cấp Cơ sở	Tháng 08 năm 2017 đến tháng 07 năm 2018	20/07/2018 Tốt
2	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn các khoá học kế toán ngắn hạn của học viên tại Viện Thực hành Kế toán – Tài chính (ĐT)	CN	V2018.01 Cấp Cơ sở	Tháng 09 năm 2018 đến tháng 06 năm 2019	10/06/2019 Tốt

3	Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp hỗ trợ đổi mới sáng tạo tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định (ĐT)	CN	MS:10-05-2018 Cấp Tỉnh	Tháng 11 năm 2018 đến tháng 12 năm 2020	15/12/2020 Đạt
---	--	----	----------------------------------	---	--------------------------

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tạp, số, trang	Tháng, năm công bố
I Trước khi được công nhận TS								
1	Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện hệ thống kiểm soát hoạt động cho các doanh nghiệp sản xuất gỗ trên địa bàn tỉnh Bình Định	1	Có	Tạp chí Kế toán & Kiểm toán/ ISSN 1859-1914			Số 6/2013 (117), 32-35	Tháng 06, năm 2013
2	Liên kết phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ cho phát triển bền vững ngành công nghiệp chế biến thủy hải sản Bình Định	2		Kỷ yếu HTKH: Xúc tiến thương mại nhằm phát triển thủy sản bền vững vùng duyên hải miền Trung			193-203	Tháng 03, năm 2014
3	Xây dựng mô hình kiểm soát hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả quản lý cho các doanh nghiệp sản xuất chế biến gỗ	2		Kỷ yếu HT KHQG: Kế toán, kiểm toán trong tiến trình cải cách và hội nhập//ISBN			281-289	Tháng 08, năm 2014

				978-604-0-06501-8				
4	Một số ý kiến góp phần nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân ngành Kế toán – Kiểm toán đáp ứng nhu cầu xã hội	3		Kỹ yếu HT KHQG: Kế toán, kiểm toán trong tiến trình cải cách và hội nhập/ISBN 978-604-0-06501-8			407-411	Tháng 08, năm 2014
5	Tiềm năng và giải pháp phát triển nguồn lực du lịch khu vực vùng duyên hải miền Trung và Tây Nguyên	2		Tạp chí Phát triển Kinh tế - Xã hội Đà Nẵng/ ISSN 1859-3437			Số 64/2015, 18-22	Tháng 05, năm 2015
6	Bàn về các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng sinh lợi trong doanh nghiệp	1	Có	Tạp chí Khoa học – Đại học Quy Nhơn/ ISSN 1859-0357			Tập IX, số 3, 2015, 15 - 23	Tháng 08, năm 2015
7	Về phân tích khả năng sinh lợi hoạt động và khả năng sinh lợi vốn chủ sở hữu trong các doanh nghiệp	1	Có	Tạp chí Kế toán & Kiểm toán/ ISSN 1859-1914			Số 143, 24 - 26	Tháng 08, năm 2015
8	Ảnh hưởng của phân cấp quản lý và tài chính đến khả năng sinh lợi tại các doanh nghiệp kinh doanh du lịch tỉnh Bình Định	1	Có	Tạp chí Phát triển Kinh tế - Xã hội Đà Nẵng/ ISSN 1859-3437			Số 68/2015, 30 - 33	Tháng 09, năm 2015
9	Bàn về phân tích khả năng sinh lợi của tài sản và khả năng sinh lợi của chi phí trong các doanh nghiệp	1	Có	Tạp chí Kế toán & Kiểm toán/ ISSN 1859-1914			Số 9/2015 (144), 13 - 15	Tháng 09, năm 2015

10	Kinh nghiệm phân tích khả năng sinh lợi của một số nước trên thế giới và bài học cho Việt Nam	1	Có	Tạp chí Thị trường tài chính tiền tệ/ ISSN 1859-2805			Số 17 (434), 37 - 39	Tháng 09, năm 2015
11	Hoàn thiện phương pháp phân tích khả năng sinh lợi phục vụ quản trị nội bộ tại các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh Bình Định	2	Có	Kỷ yếu HTKH: Kế toán sáng tạo – Góc nhìn từ kế toán và quản lý/ ISBN:978-604-922-344-0			110 - 126	Tháng 07, năm 2016
12	Organization of liability accounting in small and medium cattle food processing enterprises in Viet Nam	3		International Conference Proceedings: Management Accounting - International experiences current situations in Viet Nam/ ISBN:978-604-79-1468-5			227- 235	Tháng 08, năm 2016
II Sau khi được công nhận TS								
13	Đề xuất một số ứng dụng cho lĩnh vực kế toán ở Việt Nam trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0	1	Có	Kỷ yếu HTKHQG: Kế toán - Kiểm toán và Kinh tế Việt Nam với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 / ISBN:978-604-922-593-2			Tập 2, 116-120	Tháng 12, năm 2017
14	Thực trạng về khả năng sinh lợi của doanh thu và chi phí tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bình Định và định hướng hoàn thiện	2		Tạp chí Kế toán & Kiểm toán/ ISSN 1859-1914			Số 10/2018 (181), 09-13	Tháng 10, năm 2018

15	Factors Affecting the Responsibility Accounting in Livestock Food Processing Enterprises: A Case Study of Binh Dinh Province	2		International Conference on Finance, Accounting and Auditing (ICFAA 2018) November 23rd, 2018 Hanoi City, Vietnam/ISBN: 978-604-946-498-0			312-324	Tháng 12, năm 2018
16	Thực trạng về công cụ và kỹ thuật phân tích khả năng sinh lợi tại các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh Bình Định và giải pháp hoàn thiện	2	Có	Tạp chí Kế toán & Kiểm toán/ ISSN 1859-1914			Số 3/2019 (186), 23-27	Tháng 03, năm 2019
17	Determinants and Solutions for Improving the Efficiency of Tourism Business doi: 10.11648.j.ajtab20190501.12	3		American Journal of Theoretical and Applied Business/ ISSN 2469-7834; 2469-7842	4 (theo Google Scholar)		Tập 5, số 1, 14-19	Tháng 04, năm 2019
18	Assessing the difference in the system of Indicators for Analyzing Business Efficiency in Tourism Enterprises: A case study in Vietnam Links: https://seajbel.com/previous-issues/april-2019/vol-18-april-2019-issue-5/	2		South East Asia Journal of Contemporary Business, Economics and Law/ ISSN 2289-1560			Tập 18, số 5, 156-165	Tháng 05, năm 2019
19	Factors affecting the responsibility accounting in Vietnamese firms: A case study for livestock food processing enterprises doi: 10.5267/j.msl.2019.5.015	3		Management Science Letters/ ISSN 1923-9335; 1923-9343	SCOPUS, Q2, H-Index = 17 (lúc đăng bài)	5 (theo Google Scholar)	Tập 9, số 9, 1349 - 1360	Tháng 05, năm 2019

20	Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp kinh doanh du lịch vùng Tây Nguyên	2		Kỷ yếu HTKHHQ: Phát triển Kinh tế - Xã hội vùng Tây Nguyên, lần 3/ISBN:978-604-60-3012-6			913-921	Tháng 06, năm 2019
21	Identifying factors influencing on the profitability of tourist enterprises: Evidence from Vietnam doi: 10.5267/j.msl.2019.5.034	3	Có	Management Science Letters/ ISSN 1923-9335; 1923-9343	SCOPUS, Q2, H-Index = 17 (lúc đăng bài)	6 (theo Google Scholar)	Tập 9, số 11, 1933-1940	Tháng 07, năm 2019
22	The Determinants of Environmental Information Disclosure in Vietnam Listed Companies doi:10.13106/jafeb.2020.vol7.no2.21	5	Có	Journal of Asian Finance, Economics and Business/ ISSN 2288-4637; 2288-4645	ISI-ESCI, SCOPUS, Q2, H-index = 14 (lúc đăng bài)	19 (theo Google Scholar)	Tập 7, số 2, 21-31	Tháng 02, năm 2020
23	The Impact of International Integration on the Inequality of Income between Rural and Urban Areas in Vietnam doi:10.13106/jafeb.2020.vol7.no3.277	4		Journal of Asian Finance, Economics and Business/ ISSN 2288-4637; 2288-4645	ISI-ESCI, SCOPUS, Q2, H-index = 14 (lúc đăng bài)	9 (theo Google Scholar)	Tập 7, số 3, 277-287	Tháng 03, năm 2020
24	Hoàn thiện kiểm soát nội bộ hoạt động cho vay vốn tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	2	Có	Tạp chí Kế toán & Kiểm toán/ ISSN 1859-1914			Số 5/2020 (200), 38-42	Tháng 05, năm 2020
25	Thực trạng phân tích hiệu quả kinh doanh tại CTCP Việt Úc Bình Định và giải pháp hoàn thiện	2	Có	Tạp chí Kế toán & Kiểm toán/ ISSN 1859-1914			Số 6/2020 (201), 30-34	Tháng 06, năm 2020

26	Auditing quality from perspective of auditing firms in Vietnam doi: 10.5267/j.ac.2020.6.007	3	Có	Journal of Accounting/ ISSN 2369-7393; 2369-7407	SCOPUS, Q3, H_index =5 (lúc đăng bài)	1 (theo Google Scholar)	Tập 6, số 5, 763-772	Tháng 07, năm 2020
27	Critical Factors Affecting the Innovation Activities of Businesses: Evidence from Binh Dinh Province, Vietnam doi:10.13106/jafeb.2020.vol7.no7.425	5	Có	Journal of Asian Finance, Economics and Business/ ISSN 2288-4637; 2288-4645	ISI-ESCI, SCOPUS, Q2, H-index = 14 (lúc đăng bài)	3 (theo Google Scholar)	Tập 7, số 7, 425- 438	Tháng 07, năm 2020
28	Đánh giá của người tiêu dùng về hoạt động đổi mới sáng tạo của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định	4	Có	Kỹ yếu HT KHQG: Kế toán, Kiểm toán và Tài chính Việt Nam – Xu hướng và Triển vọng/ ISBN: 978-604-79-2454-7			1047 - 1063	Tháng 07, năm 2020
29	Nghiên cứu ảnh hưởng của các nhân tố đến hoạt động đổi mới sáng tạo tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định	4	Có	Kỹ yếu HT KHQG: Tăng trưởng xanh - Quản trị và phát triển doanh nghiệp ISBN: 978-604-9963-46-9			344 - 358	Tháng 08, năm 2020
30	Kiểm soát nội bộ các khoản chi tại Sở Y tế tỉnh Bình Định	2	Có	Tạp chí Kế toán & Kiểm toán/ ISSN 1859-1914			Số 9/2020 (204), 38-43	Tháng 09, năm 2020
31	Công tác lập dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước tại Sở Y tế tỉnh Bình Định - Thực trạng và giải pháp	2	Có	Tạp chí Kinh tế và Dự báo/ ISSN 0866-7120			Số 26 (09/2020) 88-92	Tháng 09, năm 2020

32	Evaluating the Innovation Activities of Vietnamese Enterprises: Evidence from Binh Dinh Province	5	Có	International Journal of Innovation, Creativity and Change/ ISSN 2201 – 1323			Tập 13, số 10 (2020), 938-958	Tháng 10, năm 2020
33	Hỗ trợ đổi mới sáng tạo cho các doanh nghiệp: Góc nhìn từ hỗ trợ lập dự toán hoạt động	1	Có	Tạp chí Kinh tế và Dự báo/ ISSN 0866-7120			Số 30 (10/2020) 70-73	Tháng 10, năm 2020
34	Kiểm soát rủi ro trong việc thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp tại Bảo hiểm xã hội Bình Định và giải pháp hoàn thiện	1	Có	Tạp chí Nghiên cứu Khoa học Kiểm toán/ISSN 1859-1671			Số 157 – 11/2020, 32-41	Tháng 11, năm 2020
35	Factors Affecting Enterprises that Apply the International Financial Report Standards (IFRS): A Case Study In Vietnam doi:10.13106/jafeb.2020.vol7.no12.409	4	Có	Journal of Asian Finance, Economics and Business/ ISSN 2288-4637; 2288-4645	ISI-ESCI, SCOPUS, Q2, H-index = 14 (lúc đăng bài)	2 (theo Google Scholar)	Tập 7, số 12, 409-422	Tháng 12, năm 2020
36	Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp hỗ trợ đổi mới sáng tạo tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định	4	Có	Tạp chí sức khỏe và môi trường (Hội nghị Nữ khoa học toàn quốc lần thứ 2)/ ISSN 0866-7705			Số 93, (12-2020), 58-61	Tháng 12, năm 2020
37	Hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa: Nghiên cứu trường hợp của tỉnh Bình Định	2		Tạp chí sức khỏe và môi trường (Hội nghị Nữ khoa học toàn quốc lần thứ 2)/ ISSN 0866-7705			Số 93, (12-2020), 86-89	Tháng 12, năm 2020

38	Hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán quỹ bảo hiểm y tế tại cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Định	1	Có	Tạp chí Nghiên cứu Khoa học Kiểm toán/ISSN 1859-1671			Số 158 – 12/2020, 35-44	Tháng 12, năm 2020
39	Hỗ trợ đổi mới sáng tạo cho các doanh nghiệp: Góc nhìn từ hỗ trợ kiểm soát nội bộ	1	Có	Tạp chí Kinh tế và Dự báo/ISSN 0866-7120			Số 03 (01/2021) 143-146	Tháng 01, năm 2021
40	Hỗ trợ nâng cao chuỗi giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp: Nghiên cứu điển hình tại Công ty Quyên Thắng, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định	2	Có	Tạp chí Kinh tế và Dự báo/ISSN 0866-7120			Số 12 (04/2021) 65-68	Tháng 04, năm 2021
41	The relationships between foreign direct investment, export and economic growth doi: 10.5267/j.ac.2021.3.028	5	Có	Journal of Accounting/ISSN 2369-7393; 2369-7407	SCOPUS, Q3, H_index =5 (lúc đăng bài)		Tập 7, số 6, 1371–1378	Tháng 04, năm 2021
42	Bàn về kế toán quản trị chi phí cho các doanh nghiệp lĩnh vực sản xuất cấu kiện kim loại	2	Có	Tạp chí Kế toán & Kiểm toán/ISSN 1859-1914			Số 04/2021 (211), 81-85	Tháng 04, năm 2021
43	Determining a System of Performance Analysis Criteria by Tourism Sectors for Tourism Enterprises doi: 10.47191/jefms/v4-i5-31	3	Có	Journal of Economics, Finance and Management Studies/ISSN 2644-0490; 2644-0504			Tập 4, số 5, 641-652	Tháng 05, năm 2021
44	Nghiên cứu xây dựng mô hình kế toán quản trị chi phí cho công ty khởi nghiệp: Vận dụng đối với	2	Có	Tạp chí Nghiên cứu Khoa học Kiểm toán/ISSN 1859-1671			Số 163 – 05/2021, 38-50	Tháng 05, năm 2021

	trường hợp tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thiết Đồng							
45	Đào tạo về IFRS 15 trong trường đại học, cao đẳng: Trở ngại và giải pháp	4		Tạp chí Kế toán & Kiểm toán/ ISSN 1859-1914			Số 05/2021 (212), 39-41	Tháng 05, năm 2021
46	Ghi nhận các khoản chi phí liên quan đến quá trình thành lập doanh nghiệp: Góc nhìn từ kế toán và pháp lý	2		Tạp chí Kế toán & Kiểm toán/ ISSN 1859-1914			Số 05/2021 (212), 49-52	Tháng 05, năm 2021
47	An Assessment of the use of Business Performance Analysis Indicators in Tourism Enterprises in Vietnam doi.org/10.47191/jefms/v4-i6-03	3	Có	Journal of Economics, Finance and Management Studies/ ISSN 2644-0490; 2644-0504			Tập 4, số 6, 690-698	Tháng 06, năm 2021
48	Tổ chức phân tích hiệu quả hoạt động trong các doanh nghiệp lâm nghiệp	1	Có	Tạp chí Nghiên cứu Khoa học Kiểm toán/ISSN 1859-1671			Số 164 - 06/2021, 37-48	Tháng 06, năm 2021
49	Trao đổi về vận dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế vào phát triển chương trình đào tạo ngành kế toán, kiểm toán tại Trường Đại học Quy Nhơn	4		Tạp chí Kế toán & Kiểm toán/ ISSN 1859-1914			Số 06/2021 (213), 56-100	Tháng 06, năm 2021

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: có **09** bài báo khoa học

- 1) Số thứ tự: 21, chi tiết: **Thi Le Hang Nguyen**, Ngoc Tien Nguyen, Van Cong Nguyen (2019). Identifying factors influencing on the profitability of tourist enterprises: Evidence from Vietnam. *Management Science Letters*, 9 (11), 1933-1940. (SCOPUS Q2, H-index = 17, **First Author**).

- 2) Số thứ tự: 22, chi tiết: **Thi Le Hang NGUYEN**, Thi Thu Hien NGUYEN, Thi Thanh Huyen NGUYEN, Thi Hong Anh NGUYEN, Van Cong NGUYEN (2020). The Determinants of Environmental Information Disclosure in Vietnam Listed Companies. *Journal of Asian Finance, Economics and Business*, 7 (2), 21-31. (ISI-ESCI, SCOPUS Q2, H-index = 14, **First Author**)
- 3) Số thứ tự: 26, chi tiết: Thi Mai Huong Nguyen, Yen Nhi To, **Thi Le Hang Nguyen** (2020). Auditing quality from perspective of auditing firms in Vietnam. *Accounting*, 6 (5), 763-772. (SCOPUS, Q3, H_index = 5, **Corresponding Author**)
- 4) Số thứ tự: 27, chi tiết: **Thi Le Hang NGUYEN**, Ngoc Toan PHAM, Vu Phuong Linh DAO, Thi Thanh Thuy NGO, Thi Thanh Binh LE (2020). Critical Factors Affecting the Innovation Activities of Businesses: Evidence from Binh Dinh Province, Vietnam. *Journal of Asian Finance, Economics and Business*, 7 (7), 425-438. (ISI-ESCI, SCOPUS Q2, H-index = 14, **First and Corresponding Author**)
- 5) Số thứ tự: 32, chi tiết: **Thi Le Hang Nguyen**, Ngoc Tien Nguyen, Dinh Manh Dam, Quyet Thang Dao, Thi Thanh Binh Le (2020). Evaluating the Innovation Activities of Vietnamese Enterprises: Evidence from Binh Dinh Province. *International Journal of Innovation, Creativity and Change*, 13 (10), 938-958. (**First and Corresponding Author**)
- 6) Số thứ tự: 35, chi tiết: **Thi Le Hang NGUYEN**, Nhat Minh DAO, Tran Hanh Phuong LE, Ngoc Toan PHAM (2020). Factors Affecting Enterprises that Apply the International Financial Report Standards (IFRS): A Case Study In Vietnam. *Journal of Asian Finance, Economics and Business*, 7 (12), 409-442. (ISI-ESCI, SCOPUS Q2, H-index = 14, **First and Corresponding Author**)
- 7) Số thứ tự: 41, chi tiết: Duy Thuc Nguyen, Luu Cuong Tran, Thi Ngoc Han Bui, Thi Thanh Thuy Ngo, **Thi Le Hang Nguyen** (2021). The relationships between foreign direct investment, export and economic growth. *Accounting*, 7 (6), 1371–1378. (SCOPUS, Q3, H_index = 5, **Corresponding Author**)
- 8) Số thứ tự 43, chi tiết: **Thi Le Hang NGUYEN**, Ngoc Tien NGUYEN, Duy Thuc NGUYEN (2021). Determining a System of Performance Analysis Criteria by Tourism Sectors for Tourism Enterprises. *Journal of Economics, Finance and Management Studies*, 4 (5), 641-652. (**First and Corresponding Author**)
- 9) Số thứ tự 47, chi tiết: Ky Han TRAN, Ngoc Tien NGUYEN, **Thi Le Hang NGUYEN** (2021). An Assessment of the use of Business Performance Analysis Indicators in Tourism Enterprises in Vietnam. *Journal of Economics, Finance and Management Studies*, 4 (6), 690-698. (**Corresponding Author**)

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố: (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:.....

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích:

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả

- Trong đó, số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả

- Trong đó, số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo Cử nhân các ngành: Kinh tế, Kế toán và Kiểm toán	Tham gia	1. Quyết định số: 37/QĐ-XDCTĐT, ngày 01/11/2018 của Trường khoa KT&KT; 2. Quyết định số: 38/QĐ-XDCTĐT, ngày 28/11/2018 của Trường khoa KT&KT; 3. Quyết định số: 39/QĐ-XDCTĐT, ngày 26/12/2018 của Trường khoa KT&KT.	Trường Đại học Quy Nhơn	Quyết định số: 1760/QĐ-ĐHQN, ngày 25 tháng 07 năm 2019	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học thay thế*: **Không**

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....
- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....
- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Bình Định, ngày 15 tháng 07 năm 2021

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Nguyễn Thị Lệ Hằng